TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11-8-2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Minh Phượng

Bà Phan Thị Thuận Nhi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Lê Anh Pha – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 07 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Trương Hoài T**, sinh năm 1978.

Nơi trú: đường L, phường Q, quận S1, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; nay là phường S2, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Vắng mặt.

- Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị Đ,** sinh năm 1974.

Nơi trú: HR 25 A.C.C, Puerto Rice 00983, Hoa Kỳ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ông Trương Hoài T, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và Bà Nguyễn Thị Đ sau thời gian tìm hiểu nhau thì đăng ký kết hôn vào ngày 12/3/2015 tại Ủy ban nhân dân quận S1, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện.

Sau khi kết hôn bà Đ sống tại Mỹ, còn bản thân ông sống tại Việt Nam. Vợ chồng không sống chung từ khi kết hôn tới nay và luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà chỉ nói chuyện với nhau qua điện thoại, vợ chồng thường xuyên không tin tưởng nhau dẫn đến cãi vã thường xuyên, mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay ông xác định bản thân không còn tình cảm yêu thương bà Đông, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nữa nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giải quyết cho ông được ly hôn với Bà Nguyễn Thị Đ.

- Về con chung: Ông xác định không có con chung với Bà Nguyễn Thị Đ.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định ông và Bà Nguyễn Thị Đ không có tài sản chung và không có nợ chung.

Ông Trương Hoài T đề nghị tòa án xem xét rút ngắn thời gian xét xử vụ án và không thông qua thủ tục hòa giải.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Bà Nguyễn Thị Đ không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của Ông Trương Hoài T, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử cho Ông Trương Hoài T được ly hôn với Bà Nguyễn Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Ông Trương Hoài T cư trú tại thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn Bà Nguyễn Thị Đ, cư trú tại HR 25 A.C.C, Puerto Rice 00983, Hoa Kỳ nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 464 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài là bị đơn Bà Nguyễn Thị Đ bằng đường ngoại giao theo pháp luật tương trợ tư pháp; cụ thể, Tòa án đã ủy

thác cho Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ cấp tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông T đối với bà Đ và yêu cầu bà Đ gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời, thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; cũng như thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ngày 28-4-2025, Cơ quan có thẩm quyền Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đã tống đạt trực tiếp văn bản của Tòa án cho Bà Nguyễn Thị Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Đ không đến Tòa án để tham gia tố tụng, cũng như không gửi lời khai, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tại phiên tòa lần thứ nhất thì bà Đ không có mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa mở lần thứ hai bà Đ vẫn không có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà Đ thì thấy: Vợ chồng kết hôn và không chung sống với nhau từ khi kết hôn cho đến nay vợ chồng không khống chung sống cùng nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình, thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; qua đó cũng không hòa giải được các mâu thuẫn trong cuộc sống, hiện tại ông T và bà Đ không còn liên lạc với nhau. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con và tài sản: Ông T khai xác định không có con chung; không có tài sản chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài ông T phải chịu, theo quy định tại Điều 147 và Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 228, Điều 464, Điều 469 và Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Trương Hoài T đối với Bà Nguyễn Thị Đ,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Ông Trương Hoài T được ly hôn với Bà Nguyễn Thị Đ.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Ông Trương Hoài T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007748 ngày 21-11-2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trương Hoài T phải chịu phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 200.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 200.000 đồng theo biên lai số 0007300 ngày 17-12-2024, của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng, nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; ông T đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Ông Trương Hoài T phải chịu chi phí thực tế thực hiện uỷ thác tư pháp là 95 USD (Chín mươi lăm Đô la Mỹ); ông T đã nộp đủ phí thực tế thực hiện uỷ thác tư pháp.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ông Trương Hoài T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; bị đơn Bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Minh Phượng **Phan Thị Thuận Nhi** **Ngô Hà Nam**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- UBND phường Sơn Trà;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Hà Nam